HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF
FOREIGN LANGUAGES AND INFORMATION TECHNOLOGY

ĐƠN ĐĂNG KÝ – APPLICATION FORM 2017

1. THÔNG TIN CÁ NHÂN (PERSONAL INFORMATION)

Họ - Surname:	**Tên - Given name:**	*Ảnh - Photo* *3cm x 4cm*
Ngày sinh - Date of birth:	**Nơi sinh – Place of birth**	
Giới tính - Gender: ☐ Nam - Male ☐ Nữ - Female		
Quốc tịch - Nationality:		
Số hộ chiếu - Passport:	**Ngày cấp - Date of issue:**	
Nơi cấp – Place of issue:	**Ngày hết hạn - Date of expiry:**	
Địa chỉ - Permanent address:		
Điện thoại di động - Mobile:	**Email:**	
Nộp đơn cho - Application for: ☐ Một học kỳ - One semester ☐ Hai học kỳ - Two semesters		
Khóa học: **Course applied for:**	☐ Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam - Vietnamese Language and Culture ☐ Chuyên ngành – Regular Course	
Chương trình: *Chỉ dành cho SV đăng ký khóa học chuyên ngành* **Program applied for:** *For student registering the regular course only*	☐ Quan hệ Quốc tế - International Relations ☐ Quan hệ Công chúng - Public Relations ☐ Quản trị Kinh doanh – International Business Administration ☐ Ngôn ngữ Anh – English Language ☐ Du lịch – Khách sạn – Tourism and Hospitality ☐ Tài chính – Ngân hàng – Finance and Banking ☐ Luật – Kinh tế - Economics and Laws	

2. NGƯỜI LIÊN HỆ KHI CẦN BÁO TIN (CONTACT PERSON IN CASE OF IMPORTANT ISSUES)

Họ tên - Full name:	**Quan hệ - Relationship:**
Nơi sinh - Place of birth:	**Nơi sinh - Place of birth:**
Số hộ chiếu - Passport:	**Ngày cấp - Date of issue:**
Điện thoại - Phone number:	**Email:**
Địa chỉ nhà riêng - Residential address:	

3. TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN (EDUCATION)

Vui lòng điền thông tin vào những chỗ trống và đính kèm những tài liệu cần thiết (Please provide details of your education. You must attach documentary evidence for all courses studied)

Trường đang học: **Home university**	**Chuyên ngành:** **Major**
Năm dự kiến tốt nghiệp - Year of expected graduation:	
Là sinh viên năm - Current classification:	☐ Năm nhất (Freshmen) ☐ Năm hai (Sophomore) ☐ Năm ba (Junior) ☐ Năm tư (Senior)
Trình độ tiếng Anh - English language level:	☐ Excellent ☐ Good ☐ Fair ☐ Poor
Trình độ tiếng Việt - Vietnamese language level:	☐ Excellent ☐ Good ☐ Fair ☐ Poor

Quá trình học tập từ phổ thông đến hiện nay (Educational background since high school)

Thời gian (Time)		**Nơi đào tạo (School or Institution)**	**Chuyên môn (Major)**	**Bằng cấp, chứng chỉ (Degree or Certificate)**
Từ (From)	**Đến (To)**			

4. THÔNG TIN KHÁC (OTHERS)

Thông tin về cá nhân hoặc tổ chức tài trợ học phí và chi phí sinh hoạt (Information of the person or the organization that support you in your tuition and living expenses):

Họ tên (Full name): .....

Nghề nghiệp (Occupation): .. ..

Địa chỉ (Address): .....

Mối quan hệ (Relationship): .....

Điện thoại (Phone number): .....

Tôi cam kết những thông tin khai trong đơn này và trong các tài liệu cung cấp là hoàn toàn chính xác. Tôi tôn trọng các mục tiêu, đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ quy định của Trường. Trong trường hợp tôi vi phạm các điều đã cam kết hoặc thể hiện sự thiếu tôn trọng đối với HUFLIT, tôi sẽ chịu mọi hình thức kỉ luật của Trường.

(I declare the information that will be supplied in this application and the documentation supporting it will be correct and complete. I respect the stated goals of this university, and pledge to strive to fulfill the University's guidelines. In case, I violate the commitment or show lack of respect for HUFLIT, I will agree with University's discipline.)

Chữ ký (Signature) _____ **Date:** _____/ _____/ _____

Tên (Name) _____